TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2026
V/v "tranh chấp ly hôn giữa ông T và bà P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
2. Ông Nguyễn Văn Út

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm: 1975; (có mặt)
Địa chỉ thường trú: ấp N, xã C, Thành phố Cần Thơ.
Địa chỉ liên lạc: ấp B, xã L, tỉnh Tây Ninh.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1975 (vắng mặt);
Địa chỉ thường trú: ấp N, xã C, Thành phố Cần Thơ.
Địa chỉ tạm trú: ấp B, xã L, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2026, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trịnh Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị P chung sống từ năm 1996 đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2011 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ông và bà P chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về tiền bạc, bà P hay ghen tuông, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không còn tình cảm và không tin tưởng lẫn nhau. Ông và bà P đã sống ly thân từ đầu năm 2026 cho đến nay nhưng cả hai bên đều không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hiện tại tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

- Về nuôi con chung: Ông và bà Nguyễn Thị P có 03 con chung là Trịnh Công T1, sinh năm 1996; Trịnh Thảo N, sinh năm: 2000 và Trịnh Ngọc V, sinh năm 2004. Các con chung đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trịnh Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị P. Bà Nguyễn Thị P có địa chỉ tạm trú: ấp B, xã L, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh, được pháp luật quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự có mặt của đương sự: bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Theo ông T nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không còn tin tưởng lẫn nhau. Ông T và bà P đã sống ly thân từ đầu năm 2026 cho đến nay, hiện tại ông T không còn tình cảm với bà P nên yêu cầu được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không đến Tòa án, chứng tỏ bà P không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông T để vợ chồng đoàn tụ, ông T cương quyết ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với bà P và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà P là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Văn T.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do ông Trịnh Văn T cung cấp, ông T và bà P có 03 con chung là Trịnh Công T1, sinh năm 1996; Trịnh Thảo N, sinh năm: 2000 và Trịnh Ngọc V, sinh năm 2004. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị P không có văn bản trình bày vấn đề này, ông T xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản chung: Do bà Nguyễn Thị P không có văn bản trình bày vấn đề này, ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Do bà Nguyễn Thị P không có văn bản trình bày vấn đề này, ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Trịnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T về việc "Ly hôn" với bà Nguyễn Thị P.

[1] Về hôn nhân: ông Trịnh Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

[2] Về nuôi con chung: ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị P có 03 con chung là Trịnh Công T1, sinh năm 1996; Trịnh Thảo N, sinh năm: 2000 và Trịnh

Ngọc V, sinh năm 2004. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0005206 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

Các Hội thẩm nhân dân | Chủ tọa phiên tòa